| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH QUẢNG NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 22 - 11 - 2022
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
  *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Thắng
  *Các Thẩm phán:* Ông Vũ Văn Đoan
  Bà Nguyễn Thúy Hằng
- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh*:** Ông Lê Khắc Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số: 13/2022/HNGĐ-PT ngày 03 tháng 10 năm 2022, về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn". Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 34/2022/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh bị kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* anh Trần Minh T sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 18, khu 6, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

*2. Bị đơn:* chị Nguyễn Thị Cẩm Nh; sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 18, khu 6, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

*3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển V; địa chỉ: số 35, phố H, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội; Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển V - Chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh - Phòng giao dịch Ph. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đức Th - Giám đốc; địa chỉ: số nhà 58, Tổ 23A, khu Ph, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt);

- Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V; địa chỉ: Tầng 1, tầng 2 tòa nhà Saliling Tower, số 111A Pasteur, phường B, Quận 1, thành phố Hồ Chí M. Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế V - Chi nhánh Quảng Ninh - Phòng giao dịch U; địa chỉ: 496 đường Q, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đăng Q - Giám đốc; vắng mặt;
- Ông Nguyễn Đình H và bà Ngô Thị T (bố mẹ đẻ chị Nh); nơi cư trú: Tổ 18, khu 6, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

*4. Kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện ngày 09/12/2021, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Trần* Minh *T trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Nh được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường Q, sau khi về chung sống hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, hai bên ly thân từ năm 2020 đến nay, cả hai không còn tình nghĩa vợ chồng với nhau nữa, vì vậy tôi đề nghị tòa án giải quyết cho tôi ly hôn chị Nh.

Về con chung: Có 02 cháu là Trần Nhật M (sinh ngày 01/01/2010) và Trần Bảo Ch (sinh ngày 11/3/2016), tôi đề nghị được nuôi cháu Ch và chị Nh nuôi cháu M hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống hai bên có tài sản chung là một căn nhà 02 tầng tại tổ 18, khu 6, phường Q, thành phố U, ngôi nhà này xây trên mảnh đất là tài sản riêng của chị Nh (do bố mẹ chị Nh tặng cho riêng chị Nh), ngoài ra, hai vợ chồng còn có 01 xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Accent biển kiểm soát 14A-479.27.

Về nợ chung: Hai vợ chồng cùng ký hợp đồng vay ngân hàng BIDV số tiền 500.000.000 đồng, tài sản thế chấp là căn nhà 02 tầng tại tổ 18, khu 6, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí và vay ngân hàng VIB số tiền 200.000.000 đồng, tài sản thế chấp là chiếc ô tô nhãn hiệu Huyndai Accent. Ngoài ra, hai vợ chồng còn vay 200.000.000 đồng của bố mẹ đẻ anh T là ông Trần Xuân T1 và bà Hoàng Thị Ph, địa chỉ tại Tổ 14b, khu 5b, phường Q, thành phố Uông Bí, và vay 50.000.000 đồng của dì anh T là bà Hoàng Thị T, địa chỉ tại số 46, khu 3a, thị trấn B, tỉnh Quảng Ninh.

Tôi đề nghị tòa án giải quyết cho chị Nh được quyền sở hữu căn nhà và xe ô tô, chị Nh phải trả nốt số tiền nợ còn lại theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng BIDV và ngân hàng VIB, chị Nh phải hoàn trả tiền chênh lệch cho tôi, cách tính là lấy tổng tài sản chung trừ tổng dư nợ chung rồi chia đôi.

Đối với ý kiến của chị Nh đề nghị tôi trả 90 triệu đồng là 50% trong tổng số tiền chị đứng ra trả nợ hai ngân hàng từ tháng 12/2020, tôi không đồng ý vì tôi vẫn đưa thẻ lương cho vợ tôi, tôi có đóng góp vào việc trả nợ ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đến ngày 18/4/2022, ông Trần Xuân T1, bà Hoàng Thị Ph, bà Hoàng Thị T2 có đơn gửi đến tòa án đề nghị để các bên tự giải quyết khoản nợ chung với nhau, đề nghị không tham gia tố tụng trong vụ án này nữa. Anh T cũng có đơn đề nghị để các bên tự giải quyết nợ chung với nhau, đề nghị không đưa ông T1, bà Ph và bà T2 tham gia tố tụng trong vụ án nữa.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là chị Nguyễn Thị Cẩm Nh có quan điểm như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban Nhân dân phường Q. Về sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hàng ngày cuộc sống hai người khác biệt nhau, anh T vô tâm không quan tâm đến vợ con, hai bên ly thân từ khoảng tháng 03/2021. Nay anh T có đơn ly hôn thì quan điểm của tôi là đồng ý ly hôn vì hai bên không còn tình nghĩa vợ chồng.

Về con chung: Có 02 cháu là Trần Nhật M (sinh ngày 01/01/2010) và Trần Bảo Ch (sinh ngày 11/3/2016), tôi đề nghị được nuôi cả hai cháu và anh T phải cấp dưỡng nuôi cả hai con chung số tiền là 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tôi có một thửa đất 64m$^2$ tại Tổ 18, khu 6, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0970864 do Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí cấp ngày 29/7/2013, đứng tên một mình tôi, vì đây là tài sản riêng do bố mẹ đẻ tôi tặng cho. Đến năm 2017 thì hai vợ chồng có xây lên một ngôi nhà 02 tầng 01 tum trên diện tích 64m$^2$. Ngoài ra, vợ chồng cũng có 01 xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Accent biển kiểm soát 14A-479.27 mua năm 2020.

Về nợ chung: Hai vợ chồng cùng ký hợp đồng vay ngân hàng BIDV số tiền 500.000.000 đồng, tài sản thế chấp là căn nhà 02 tầng tại Tổ 18, khu 6, phường Q, thành phố U và vay ngân hàng VIB số tiền 200.000.000 đồng, tài sản thế chấp là chiếc ô tô nhãn hiệu Huyndai Accent.

Tôi đề nghị được sở hữu nhà đất và ô tô nói trên, tôi sẽ trả nợ cho ngân hàng BIDV và ngân hàng VIB, tôi sẽ hoàn tiền chênh lệch cho anh T, cách tính tiền chênh lệch là lấy tài sản chung trừ đi nợ chung rồi chia đôi. Tôi đề nghị anh T hoàn trả lại một nửa số tiền tôi trả nợ cho hai ngân hàng từ tháng 12/2020 đến nay, số tiền là 90 triệu đồng.

Đối với căn nhà 02 tầng 01 tum là tài sản chung hiện đang thế chấp tại ngân hàng BIDV, qua đo đạc thì được biết có 1,5m$^2$ của căn nhà xây lấn sang đất nhà bố mẹ đẻ tôi là ông Nguyễn Đình H và bà Ngô Thị T, lý do vì trước đây tôi muốn xây cho vuông vắn nhà, phần đất này ông H bà T đã cho thêm tôi, nhưng hai bên chưa

đi làm thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đề nghị tòa án xác định phần đất 1,5m$^2$ cho thêm này của tôi, sau khi có bản án của tòa án, tôi và ông H bà T sẽ làm thủ tục điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với thực trạng hiện nay.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng BIDV là ông Nguyễn Đức Th trình bày quan điểm như sau:*

Ngày 22/7/2020, anh T và chị Nh đã ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2020/8981178/HĐTD với số tiền vay là 500.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, mục đích để sửa chữa nhà ở. Ngày 23/7/2021, ngân hàng đã giải ngân số tiền trên cho anh T và chị Nh. Tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0970864 do Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí cấp ngày 29/7/2013. Dư nợ đến ngày xét xử là 401.182.213 đồng.

Hiện nay anh T và chị Nh giải quyết ly hôn tại tòa án, quan điểm của ngân hàng BIDV là đồng ý cho anh chị được phân chia tài sản chung đang thế chấp tại ngân hàng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0970864 do Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí cấp ngày 29/7/2013 nói trên. Ngân hàng đồng ý với quan điểm của anh T, chị Nh là giao cho chị Nh quyền sở hữu căn nhà 02 tầng 01 tum tại tổ 18, khu 6, phường Q, thành phố U và chị Nh phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ còn lại theo hợp đồng tín dụng ký với ngân hàng BIDV.

Ngoài ra, đề nghị tòa án ghi nhận việc chị Nh được quyền sử dụng 1,5m$^2$ đất mà ông H bà T đã cho chị nhưng hai bên chưa làm thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đại diện ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng VIB là ông Nguyễn Văn Q trình bày quan điểm như sau:*

Ngày 28/7/2020, anh T và chị Nh có ký kết hợp đồng tín dụng số 6684952.20 với ngân hàng VIB để vay số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, mục đích vay để mua ô tô nhãn hiệu Huyndai Accent biển kiểm soát 14A-479.27. Ngày 28/7/2020, ngân hàng đã giải ngân số tiền trên cho anh T và chị Nh. Tài sản thế chấp cho khoản vay là chiếc ô tô nhãn hiệu Huyndai Accent biển kiểm soát 14A-479.27. Dư nợ đến ngày xét xử là 120.080.000 đồng.

Hiện nay anh T và chị Nh đang giải quyết tranh chấp ly hôn tại tòa án, quan điểm của ngân hàng VIB là đồng ý để anh T và chị Nh được phân chia tài sản chung đang thế chấp tại ngân hàng là chiếc ô tô nhãn hiệu Huyndai Accent biển

kiểm soát 14A-479.27, đồng ý để chị Nh được sở hữu ô tô và thực hiện toàn bộ nghĩa vụ còn lại theo hợp đồng với ngân hàng VIB.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình H và bà Ngô Thị T có lời khai ngày 28/6/2022 như sau:*

Ông H và bà T là bố mẹ đẻ của chị Nh, trước đây ông bà có tặng cho riêng chị Nh một thửa đất 64m$^2$ tại tổ 18, khu 6, phường Q, thành phố U. Đến năm 2017, vợ chồng chị Nh anh T xây nhà 02 tầng 01 tum trên mảnh đất này, trong quá trình làm nhà, chị Nh anh T có lấn phần mặt tiền nhà từ 4,5m thành 4,7m để xây cho vuông vắn nhà cửa, phần diện tích lấn chiếm sang đất nhà ông bà là 1,5m$^2$, ông bà đồng ý cho chị Nh phần đất này, nhưng hai bên chưa làm thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông bà đề nghị khi chia tài sản chung tòa án công nhận phần đất 1,5m$^2$ này của chị Nh, sau khi có bản án của tòa án, ông bà và chị Nh sẽ làm thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng với hiện trạng.

Ông H bà T đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, nhưng ngày 28/6/2022, ông H bà T có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt.

- Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/3/2022 xác định: Thửa đất 64m$^2$ tại Tổ 18, khu 6, phường Q, thành phố U theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0970864 do Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí cấp ngày 29/7/2013 mang tên chị Nguyễn Thị Cẩm Nh, đã xây dựng 01 căn nhà 02 tầng 01 tum trên đất, qua đo vẽ của Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất thì mặt trước nhà theo giấy tờ là 4,5m nhưng hiện trạng đã xây là 4,7m, như vậy là lấn sang phần đất của nhà ông H bà T, diện tích xây lấn là 1,5m$^2$.

- Tại biên bản định giá ngày 06/5/2022, Hội đồng định giá xác định: Giá trị quyền sử dụng đất đối với thửa đất 64m2 tại tổ 18, khu 6, phường Q, thành phố U là 391.680.000 đồng, giá trị căn nhà 02 tầng 01 tum xây trên đất là 451.404.004 đồng, giá trị chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Accent biển kiểm soát 14A-479.27 là 436.142.885 đồng.

- Tại biên bản lấy ý kiến con chung ngày 06/5/2022, cháu Trần Nhật M trình bày nguyện vọng muốn ở với mẹ nếu anh T và chị Nh ly hôn.

- Tại biên bản xác minh ngày 30/5/2022, đại diện khu 6, phường Q, thành phố U cung cấp thông tin như sau: Anh T và chị Nh được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường Q, đến gần đây hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, hiện hai bên đã ly thân, đề nghị tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung: có hai cháu là Trần Nhật M và Trần Bảo Ch hiện đang chung sống với mẹ tại địa phương, đề nghị tòa án giải quyết theo pháp luật.

Với nội dung trên tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 34/2021/HNGĐ-ST ngày 05/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Minh T và chị Nguyễn Thị Cẩm Nh.

2. Về con chung: Anh Trần Minh T trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Bảo Ch (sinh ngày 11/3/2016) và chị Nguyễn Thị Cẩm Nh trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Nhật M (sinh ngày 01/01/2010) kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T và chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, anh T và chị Nh có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc giáo dục con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Chị Nguyễn Thị Cẩm Nh được quyền sở hữu 01 căn nhà 02 tầng 01 tum xây trên diện tích đất là 64m$^2$ tại tổ 18, khu 6, phường Q, thành phố Utỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0970864 do Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí cấp ngày 29/7/2013 mang tên chị Nguyễn Thị Cẩm Nh và 01 xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Accent biển kiểm soát 14A-479.27 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 086106 do Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 27/7/2020 mang tên chị Nguyễn Thị Cẩm Nh.

Ông Nguyễn Đình H, bà Ngô Thị T và chị Nguyễn Thị Cẩm Nh có trách nhiệm làm các thủ tục liên quan với các cơ quan chức năng để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0970864 do Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí cấp ngày 29/7/2013 mang tên chị Nguyễn Thị Cẩm Nh và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE985384 ngày 07/11/2006 mang tên ông Nguyễn Đình H và bà Ngô Thị T để chị Nh được sở hữu phần đất 1,5m$^2$ hiện đang xây lấn sang đất của ông H và bà T theo đúng sơ đồ khảo sát hiện trạng sử dụng đất ngày 31/3/2022 của Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất thành phố Uông Bí (Bản sao sơ đồ hiện trạng được đính kèm theo bản án này).

Chị Nguyễn Thị Cẩm Nh phải hoàn trả tiền chênh lệch cho anh Trần Minh T số tiền là 183.142.000 (Một trăm tám mươi ba triệu một trăm bốn mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn là anh Trần Minh T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị đơn là chị Nguyễn Thị Cẩm Nh còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Chị Nguyễn Thị Cẩm Nh có trách nhiệm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ còn lại theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/8981178/HĐTD ngày 22/7/2020 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và hợp đồng tín dụng số 6684952.20 ngày 28/7/2020 với Ngân hàng Quốc tế (VIB). Trường hợp chị Nh vi

phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Quốc tế có quyền khởi kiện chị Nh để tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản:

Chị Nguyễn Thị Cẩm Nh phải hoàn trả chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.200.000 đồng và chi phí định giá tài sản 1.050.000 đồng cho anh Trần Minh T, tổng số tiền là 3.250.000 (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn là anh Trần Minh T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị đơn là chị Nguyễn Thị Cẩm Nh còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí: Anh Trần Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 21.750.900 đồng án phí dân sự tương ứng với phần tài sản chung anh được nhận, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006743 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, anh T phải nộp bổ sung thêm 10.050.900 (Mười triệu không trăm năm mươi nghìn chín trăm) đồng vào ngân sách nhà nước.

Chị Nguyễn Thị Cẩm Nh phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 21.750.900 (hai mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi nghìn chín trăm) đồng tương ứng với phần tài sản chung chị được nhận vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Kháng nghị: ngày 31/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh kháng nghị: Thứ nhất, xác định sai nghĩa vụ chịu án phí dân sự của các đương sự liên quan đến chia tài sản chung. Thứ hai, ghi chưa đầy đủ tên, ghi không đúng địa chỉ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh giữ nguyên kháng nghị và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, thấy rằng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 285, 286, 294 Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền lợi và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 71, 72,73 và 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

3) Về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh:

- Về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng nghị: kháng nghị làm trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong phạm vi bản án sơ thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết đối với bản án sơ thẩm bị kháng nghị: căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 34/2022/HNGĐ-ST ngày: 05/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí về án phí và tên, địa chỉ đương sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu trong hồ sơ và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] - Về tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh làm trong thời hạn luật định, nội dung kháng nghị nằm trong phạm vi bản án sơ thẩm, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo vắng mặt, nhưng nội dung kháng nghị không liên quan gì đến quyền lợi của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] - Về nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh:

**Thứ nhất**, xác định sai nghĩa vụ chịu án phí dân sự của các đương sự liên quan đến chia tài sản chung, Hội đồng xét xử, thấy:.

Tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân mà anh T, chị Nh đề nghị Tòa án phân chia khi ly hôn gồm có: 01 căn nhà 02 tầng 01 tum trị giá 451.404.004 đồng và 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 14A-479.27 trị giá 436.142.885 đồng. Tổng trị giá tài sản chung là 887.546.889 đồng, nợ chung là 521.262.213 đồng.

- Bản án sơ thẩm tuyên xử: Chị Nh được quyền sở hữu 01 căn nhà 02 tầng 01 tum và 01 xe ô tô biển kiểm soát 14A 479.27 (Tổng trị giá tài sản chung là 887.546.889 đồng); chị Nh có trách nhiệm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ còn lại theo hợp đồng tín dụng với 02 ngân hàng với tổng số tiền là 521.262.213 đồng; chị Nh phải hoàn trả tiền chênh lệch cho anh T số tiền là 183.142.338 đồng (tài sản chung trừ nợ chung rồi chia đôi). Như vậy, trên thực tế chị Nh được chia và được hưởng tài sản trị giá còn lại là 183.142.338 đồng (sau khi trừ đi giá trị tài sản thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngân hàng và thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh T). Anh T được chia và được hưởng tài sản trị giá là 183.142.338 đồng. Bản án sơ thẩm nhận định nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng 50% giá trị khối tài sản chung (887.546.889 đồng) là 21.750.900 đồng (đã làm tròn số), là không chính xác. Bởi lẽ:

Điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định: "Các đương sự trong vụ án hôn nhân và gia đình có tranh chấp về việc chia tài sản chung của vợ chồng thì ngoài việc chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 của Nghị quyết này, còn phải chịu án phí đối với phần tài sản có tranh chấp như đối với vụ án dân sự có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia".

Điểm e Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định: "Trường hợp các đương sự có tranh chấp về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng, Tòa án tiến hành hòa giải, các đương sự thống nhất thỏa thuận được về việc phân chia một số tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung, còn một số tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung không thỏa thuận được thì các đương sự vẫn phải chịu án phí đối với việc chia toàn bộ tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng".

Điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định: "Trường hợp đương sự đề nghị chia tài sản chung, mà cần xem xét việc thực hiện nghĩa vụ về tài sản với bên thứ ba từ tài sản chung, thì: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản họ được chia sau khi trừ đi giá trị tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba; các đương sự phải chịu một phần án phí ngang nhau đối với phần tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba theo quyết định của Tòa án…".

Như vậy, Bản án sơ thẩm quyết định anh T và chị Nh mỗi người phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với 50% tổng giá trị khối tài sản chung, mà không trừ đi giá trị tài sản thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngân hàng và thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho đương sự khác (đối với chị Nh), còn anh T chỉ được hưởng tài sản trị giá 183.142.338 đồng do được chị Nh thanh toán tiền chênh lệch, là không đúng với giá trị tài sản thực tế nguyên đơn và bị đơn được chia và được hưởng, gây bất lợi và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, vi phạm điểm b, e khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do vậy, việc xác định nghĩa vụ mà anh T, chị Nh chịu án phí phải được tính trên giá trị phần tài sản họ được chia và được hưởng trên thực tế là 183.142.338 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điểm b, e khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016, thì anh T và chị Nh mỗi người phải chịu án phí dân sự số tiền là 9.157.117 đồng tương ứng với phần tài sản chung họ được chia và được hưởng.

**Thứ hai**, ghi chưa đầy đủ tên, ghi không đúng địa chỉ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

- Tên đầy đủ của ngân hàng VIB là "Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam", nhưng Bản án sơ thẩm chỉ ghi là "Ngân hàng Quốc tế" là chưa đầy đủ.

- Địa chỉ của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam là ở phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí M, nhưng Bản án ghi ở phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (đây là địa chỉ của Phòng giao dịch Uông Bí- Chi nhánh Quảng Ninh thuộc Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, là nơi anh T, chị Nh ký hợp đồng vay tiền).

- Địa chỉ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là ở phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, nhưng Bản án ghi ở phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (đây là địa chỉ của Phòng giao dịch Phương Đông - Chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh thuộc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, là nơi anh T, chị Nh ký hợp đồng vay tiền).

Từ phân tích trên chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 34/2022/HNGĐ-ST ngày 05/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh về án phí và tên, địa chỉ đương sự.

[3] - Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự; chấp nhận quyết định kháng nghị phúc thẩm số 34/QĐ-VKS- HNGĐ ngày 31/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 34/2022/HNGĐ-ST ngày: 05/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh về án phí và tên, địa chỉ đương sự.

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 81, 82, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các điểm b, e khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 9.157.000đ (chín triệu một trăm năm mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự phần tài sản chung, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006743 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Trả lại anh T 2.543.000đ (hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) dự phí chênh lệch.

Chị Nguyễn Thị Cẩm Nh phải chịu 9.157.000đ (chín triệu một trăm năm mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm phần tài sản chung.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thành phố Uông Bí;
- Chi cục THADS thành phố Uông Bí;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Lưu án văn; Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Văn Thắng**

**QUYẾT ĐỊNH:**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND Tp. Uông Bí;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Chi cục THADS Tp. Uông Bí;
- Lưu: VP - HS.

**Ngô Văn Thắng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thúy Hằng** **Vũ Văn Đoan** **Ngô Văn Thắng**